

Lời nói đầu

Trong chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000, Đảng ta cũng đã chỉ rõ “Chính sách tài chính quốc gia hướng vào việc tạo ra vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong toàn xã hội, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân...”⁽¹⁾. Tạo vốn và sử dụng vốn có hiệu quả là những vấn đề đang được Chính phủ, Ngân hàng và các doanh nghiệp đặc biệt quan tâm.

Đại hội Đảng toàn lần thứ VI đánh dấu một bước ngoặt đổi mới chính sách và cơ chế kinh tế nói chung, thị trường và sản xuất kinh doanh nói riêng. Các DNNN được quyền tự chủ hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng cùng với nó, doanh nghiệp phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường. Trong cuộc cạnh tranh này DNNN có những vị thế bất lợi đó là thiếu vốn, bộ máy chậm thích ứng với sự biến đổi của thị trường, lắm tầng nấc trung gian, và nhiều sự ràng buộc lẫn nhau, phần lớn đội ngũ cán bộ rất thụ động.

DNNN là một bộ phận quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia, có ý nghĩa quyết định trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và trong quá trình hội nhập. Tuy nhiên hiện nay các DNNN đang phải đối đầu với nhiều vấn đề nan giải, trong đó vốn và hiệu quả sử dụng vốn luôn là bài toán hóc búa với hầu hết các DNNN.

Vậy huy động vốn ở đâu? làm thế nào để huy động vốn? và đồng vốn được đưa vào sử dụng như thế nào?. Đó là câu hỏi không chỉ các DNNN quan tâm, mà là vấn đề bức thiết với hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường. Do đó đi tìm lời giải về vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho khu vực DNNN là một vấn đề mang tính thời sự và thiết thực.

Qua nghiên cứu và được sự hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo Nguyễn Ngọc Huyền, em quyết định chọn đề tài “**Một số giải pháp tạo vốn và nâng cao hiệu**

(1) Tạp chí Thông tin Khoa học Ngân hàng số 7/1997

ĐỒ án môn học

quả sử dụng vốn cho các DNNN ở Việt Nam hiện nay”. Do thời gian hạn chế, kinh nghiệm thực tế chưa nhiều. Do đó đề tài nay không tránh khỏi những thiếu sót. Song đây cũng là nỗ lực của bản thân. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến quý báu của thầy giáo để việc nghiên cứu của em ngày càng hoàn thiện hơn. Em xin chân thành cảm ơn!

I. VỐN VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN - ĐIỀU KIỆN TỒN TẠI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.Vốn và vai trò của vốn đối với DNNN trong nền kinh tế thị trường

1.1.Khái quát về vốn.

Từ trước đến nay có rất nhiều quan điểm khác nhau về vốn, mỗi một quan điểm đều có cách tiếp cận riêng. Nhưng có thể nói, thực chất vốn chính là biểu hiện bằng tiền, là giá trị của tài sản mà doanh nghiệp đang nắm giữ. Trong nền kinh tế thị trường, vốn được quan niệm là toàn bộ giá trị ứng ra ban đầu và trong các quá trình sản xuất tiếp theo của doanh nghiệp. Như vậy vốn là yếu tố số một của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vốn có các đặc trưng cơ bản là: **thứ nhất**, vốn phải đại diện cho một lượng tài sản nhất định, có nghĩa là vốn được biểu hiện bằng giá trị của tài sản hữu hình và vô hình của doanh nghiệp. **Thứ hai**, vốn phải vận động sinh lời, đạt được mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp. **Thứ ba**, vốn phải được tích tụ và tập trung đến một lượng nhất định, có như vậy mới có thể phát huy tác dụng để đầu tư vào sản xuất kinh doanh. **Thứ tư**, vốn phải gắn liền với chủ sở hữu nhất định, không thể có đồng vốn vô chủ và không ai quản lý. **Thứ năm**, vốn được quan niệm như một hàng hóa đặc biệt, có thể mua bán quyền sử dụng vốn trên thị trường.

1.2.Phân loại vốn

Hiện nay, có rất nhiều cách phân loại vốn theo các giác độ tiếp cận khác nhau. Theo nguồn hình thành có vốn chủ sở hữu và vốn huy động của doanh nghiệp. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp hình thành từ vốn pháp định và vốn tự bổ sung từ nhiều nguồn như lợi nhuận giữ lại hoặc từ các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính....Ngoài ra, đối với DNNN còn được để lại toàn bộ khấu hao cơ

ĐỒ án môn học

bản sử dụng tài sản cố định để đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản cố định. Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường vốn chủ sở hữu có vai trò quan trọng nhưng chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng nguồn vốn. Để đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải tăng cường huy động các nguồn vốn khác dưới hình thức vay nợ, liên doanh liên kết, phát hành trái phiếu và các hình thức khác.

Trên giác độ phương thức chu chuyển của vốn, người ta chia thành vốn cố định (VCF) và vốn lưu động (VLD). VCF là một bộ phận của vốn đầu tư ứng trước về tài sản cố định. Nó luân chuyển dần dần, từng phần trong nhiều chu kỳ sản xuất. Hiện nay Nhà nước quy định VCF phải có thời gian sử dụng ít nhất là 1 năm và có giá trị trên 5 triệu đồng. VCF đóng vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh, đặc biệt là với các DNNN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất. VLD của doanh nghiệp là số tiền ứng trước về tài sản lưu động nhằm đảm bảo cho quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, liên tục.

1.3.Vai trò của vốn đối với các doanh nghiệp nhà nước.

Tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, dù bất kỳ quy mô nào cũng cần phải có một lượng vốn nhất định, nó là tiền đề cho sự ra đời và phát triển của các doanh nghiệp.

Về mặt pháp lý: DNNN khi muốn thành lập, điều kiện đầu tiên là doanh nghiệp phải có một lượng vốn nhất định, lượng vốn đó tối thiểu phải bằng lượng vốn pháp định (lượng vốn tối thiểu mà pháp luật qui định cho từng loại DNNN). Khi đó địa vị pháp lý của doanh nghiệp mới được xác lập. Ngược lại, việc thành lập doanh nghiệp không thể thực hiện được. Theo điều 4- chương II Quy chế quản lý Tài chính và Hạch toán kinh doanh đối với DNNN, nếu trong quá trình hoạt động kinh doanh, vốn điều lệ của doanh nghiệp không đạt điều kiện mà pháp luật quy

ĐỒ án môn học

định, tức là thấp hơn tổng mức vốn pháp định của các ngành nghề mà doanh nghiệp đó kinh doanh thì cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập doanh nghiệp đó phải cấp bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp, hoặc giảm ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp hoặc phải tuyên bố chấm dứt hoạt động như: phá sản, giải thể, sát nhập⁽²⁾.... Như vậy, vốn có thể được xem như là điều kiện tiên quyết đảm bảo sự tồn tại tư cách pháp nhân của doanh nghiệp trước pháp luật.

Về mặt kinh tế: Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, vốn là một trong những yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Vốn không những đảm bảo khả năng mua sắm máy móc thiết bị, dây truyền công nghệ để phục vụ cho quá trình sản xuất mà còn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên liên tục.

Vốn là yếu tố quan trọng quyết định năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và xác lập vị thế của doanh nghiệp trên thương trường. Điều này càng thể hiện rõ trong nền kinh tế thị trường hiện nay với sự cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến máy móc thiết bị, đầu tư hiện đại hóa công nghệ... tất cả những yếu tố này muốn đạt được đòi hỏi doanh nghiệp phải có một lượng vốn đủ lớn.

Vốn cũng là yếu tố quyết định đến việc mở rộng phạm vi hoạt động của doanh nghiệp. Có vốn giúp doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất, thâm nhập vào thị trường mới, từ đó mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao uy tín của doanh nghiệp trên thương trường.

Nhận thức được vai trò quan trọng của vốn như vậy, doanh nghiệp cần phải có những biện pháp hữu hiệu huy động đảm bảo đủ vốn cho doanh nghiệp hoạt động một cách hiệu quả.

(2) Quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với DNNN

2.Các công cụ tạo vốn cho các DNNN trong nền kinh tế thị trường.

Hiện nay, vốn ngân sách nhà nước cấp cho các doanh nghiệp rất hạn chế, do đó để đảm bảo vốn hoạt động, doanh nghiệp phải thực hiện huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau như phát hành trái phiếu, cổ phiếu, vay vốn ngân hàng và các tổ chức tín dụng, nhận góp vốn liên doanh liên kết và các hình thức khác. Tuy nhiên việc huy động vốn phải tuân theo các qui định của pháp luật, không được làm thay đổi hình thức sở hữu của doanh nghiệp và tổng mức dư nợ vốn huy động không được vượt quá vốn điều lệ của doanh nghiệp tại thời điểm công bố gần nhất. (Điều 11-NĐ59/CP-3/10/1996)

Để huy động vốn doanh nghiệp cũng cần phải xem xét thực trạng tình hình tài chính, chiến lược tài trợ, chủ nguồn tài chính, cũng như kế hoạch huy động tài chính cho chi trả.

DNNN có thể huy động vốn qua nguồn cung ứng nội bộ và huy động từ bên ngoài.

Nguồn cung ứng nội bộ là phương thức tự cấp vốn của doanh nghiệp. **Một là**, nguồn khấu hao tài sản cố định. Trong quá trình sử dụng thì tài sản cố định chuyển dần giá trị vào thành phẩm dưới hình thức khấu hao. Số khấu hao này được sử dụng để khôi phục tài sản cố định nhằm tái sản xuất hoặc sử dụng cho các yêu cầu kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp trích khấu hao theo nguyên tắc bảo đảm bù đắp cả hao mòn vô hình và hao mòn hữu hình của tài sản. **Hai là**, từ các khoản doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhưng được nhà nước cho phép để lại doanh nghiệp bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh. **Ba là**, tích lũy tái đầu tư, đây là phần lợi nhuận không chia để lại doanh nghiệp nhằm mục đích đầu tư phát triển sản xuất. Có thể nói rằng phần này được các doanh nghiệp coi là nguồn tự cung ứng tài chính quan trọng vì nó có các ưu điểm cơ bản sau: doanh

ĐỒ án môn học

ng nghiệp có thể hoàn toàn chủ động, giảm sự phụ thuộc vào các nhà cung ứng, giúp doanh nghiệp tăng tiềm lực tài chính nhờ giảm tỷ lệ nợ/vốn....**Bốn là**, điều chỉnh cơ cấu tài sản, phương thức này tuy không làm tăng số vốn sản xuất kinh doanh nhưng lại có tác dụng lớn trong việc tăng vốn cho các hoạt động cần thiết trên cơ sở giảm vốn ở những nơi không cần thiết. Do môi trường kinh doanh thường xuyên biến động, nhiệm vụ kinh doanh thay đổi nên trong kinh doanh luôn diễn ra hiện tượng thừa tài sản này nhưng lại thiếu loại tài sản khác. Điều chỉnh cơ cấu tài sản chính là việc kịp thời có giải pháp bán các tài sản dư thừa, không sử dụng đến, phải trên cơ sở thường xuyên kiểm tra tính toán và xác định lại mức tài sản lưu động trên cơ sở ứng dụng mô hình dự trữ tối ưu nhằm giảm lượng lưu kho tài sản lưu động không cần thiết, đảm bảo lượng lưu kho mỗi loại tài sản lưu động hợp lý.

Huy động từ nguồn cung ứng nội bộ có ưu điểm lớn là hoàn toàn do doanh nghiệp chủ động, không bị phụ thuộc vào bên ngoài, doanh nghiệp có toàn quyền sử dụng trong dài hạn với chi phí sử dụng vốn thấp. Mặt khác, sự nỗ lực tự cung ứng luôn được coi là một yếu tố để người cấp vốn bên ngoài xem xét khả năng cho vay vốn. Tuy nhiên tự cung ứng vốn cũng có hạn chế cơ bản là qui mô cung ứng vốn nhỏ và nguồn bổ sung luôn có giới hạn.

Huy động vốn từ bên ngoài có thể qua các phương thức sau: **Thứ nhất là từ ngân sách nhà nước**, hiện nay vốn từ ngân sách nhà nước đối với các DNNN càng bị thu hẹp cả về quy mô của vốn và phạm vi được cấp vốn. Đối tượng được cung cấp vốn theo hình thức này hiện nay phải là các DNNN đóng vai trò công cụ điều tiết kinh tế, các lĩnh vực sản xuất hàng hoá công cộng, hoạt động công ích mà tư nhân không muốn hoặc không có khả năng đầu tư, các dự án có tầm quan trọng đặc biệt do Nhà nước trực tiếp đầu tư. **Thứ hai là phát hành cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường**. Đây là phương thức đang được sử dụng rộng rãi. Tuy nhiên

ĐỒ án môn học

không phải mọi doanh nghiệp được phép khai thác nguồn vốn này mà chỉ những doanh nghiệp được phát hành cổ phiếu, trái phiếu do Nhà nước quy định. Hình thức phát hành cổ phiếu có đặc trưng cơ bản là tăng vốn mà không làm tăng nợ của doanh nghiệp bởi những người sở hữu cổ phiếu trở thành cổ đông của doanh nghiệp. **Thứ ba**, là *vay vốn của các ngân hàng thương mại*, hiện tại phương thức này cung ứng một lượng vốn lớn cho DNNN. Bên cạnh đó để thực hiện hình thức này đòi hỏi doanh nghiệp phải có uy tín lớn, kiên trì đàm phán, chấp nhận các thủ tục ngặt nghèo. Trong quá trình sử dụng vốn doanh nghiệp phải tính toán trả nợ ngân hàng theo đúng tiến độ kế hoạch. Mặt khác doanh nghiệp vay vốn ngân hàng thương mại có thể bị ngân hàng thương mại đòi quyền kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp trong thời gian cho vay. **Thứ tư**, là *tín dụng thương mại từ nhà cung cấp*, đó là hình thức chiếm dụng hợp pháp vốn của các nhà cung ứng và của khách hàng. Có các hình thức tín dụng thương mại chủ yếu là: doanh nghiệp mua máy móc, thiết bị theo phương thức trả chậm. Vốn khách hàng ứng trước. Tuy nhiên, kinh doanh trong nền kinh tế hiện nay đòi hỏi doanh nghiệp phải tính toán, cân nhắc cẩn thận vì không phải chỉ tồn tại lượng vốn nhất định khách hàng đặt cọc trước mà bên cạnh đó lại tồn tại lượng tiền khách hàng chiếm dụng lại khi mua hàng của doanh nghiệp nhiều khi là rất lớn. **Thứ năm**, là *tín dụng thuê mua*. Hiện nay có hai hình thức chủ yếu là thuê tài chính và thuê hoạt động. Trong kinh tế thị trường phương thức tín dụng thuê mua được thực hiện giữa một doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị với một doanh nghiệp thực hiện chức năng thuê mua diễn ra khá phổ biến. **Thứ sáu là**, *doanh nghiệp có thể huy động vốn thông qua liên doanh, liên kết với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước*. Phương thức này sẽ huy động được một lượng vốn lớn cần thiết cho một số hoạt động nào đó mà không làm tăng nợ, nhưng phương thức này cũng có những hạn chế nhất định, chẳng hạn như phải chia sẻ lợi nhuận cho

ĐỒ án môn học

bên liên doanh . Ngoài ra doanh nghiệp có thể huy động vốn nước ngoài khác như vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân nước ngoài hay thông qua các hình thức đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) và nguồn vốn ODA.

Huy động vốn từ bên ngoài tuy cung cấp một lượng vốn lớn cho doanh nghiệp. Nhưng lại hạn chế tính chủ động của doanh nghiệp và doanh nghiệp một phần chịu sự kiểm soát trong việc sử dụng vốn vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. về hiệu quả sử dụng vốn

3.1. quan điểm về sử dụng vốn

Để đánh giá trình độ quản trị điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp, người ta sử dụng thước đo là hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiệu quả sản xuất kinh doanh được đánh giá trên hai góc độ : hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Trong phạm vi quản trị doanh nghiệp, người ta chủ yếu quan tâm đến hiệu quả kinh tế. Đây là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp để đạt được kết quả cao nhất với chi phí hợp lý nhất. Do đó các nguồn lực kinh tế đặc biệt là nguồn vốn của doanh nghiệp có tác động rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì thế việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là yêu cầu mang tính thường xuyên và bắt buộc đối với mỗi doanh nghiệp. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn là yêu cầu mang tính thường xuyên và bắt buộc đối với mỗi doanh nghiệp. Đánh giá hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp ta thấy được hiệu quả của hoạt động kinh doanh nói chung và quản trị sử dụng vốn nói riêng.

Hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ khai thác, sử dụng và quản trị vốn làm cho đồng vốn sinh lời tối đa nhằm mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là tối đa hoá giá trị tài sản của chủ sở hữu.

ĐỒ án môn học

Hiệu quả sử dụng vốn được lượng hoá thông qua hệ thống các chỉ tiêu về khả năng hoạt động, khả năng sinh lời, tốc độ luân chuyển vốn.... Nó phản ánh quan hệ giữa đầu ra và đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh thông qua thước đo tiền tệ hay cụ thể là mối tương quan giữa kết quả thu được với chi phí bỏ ra để thực hiện sản xuất kinh doanh. Kết quả thu được càng cao so với chi phí bỏ ra thì hiệu quả sử dụng vốn càng cao. Do đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn là điều kiện quan trọng để doanh nghiệp phát triển vững mạnh. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Phải khai thác nguồn vốn một cách triệt để nghĩa là không để vốn nhàn rỗi mà không sử dụng, không sinh lời.
- Phải sử dụng vốn một cách hợp lý và tiết kiệm
- Phải quản trị vốn một cách chặt chẽ nghĩa là không để vốn bị sử dụng sai mục đích, không để vốn thất thoát do buông lỏng quản trị.

Ngoài ra doanh nghiệp phải thường xuyên phân tích đánh giá hiệu quả sử dụng vốn để nhanh chóng có biện pháp khắc phục những mặt hạn chế và phát huy những ưu điểm của doanh nghiệp trong quản trị và sử dụng vốn.

3.2. các chỉ tiêu cơ bản đánh giá hiệu quả sử dụng vốn

3.2.1. Các chỉ tiêu đánh giá tổng hợp

Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp một cách chung nhất người ta thường dùng một số chỉ tiêu tổng quát như: hiệu quả sử dụng toàn bộ vốn, doanh lợi vốn, doanh lợi vốn chủ sở hữu. Trong đó:

$$\text{Hiệu quả sử dụng toàn bộ vốn} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tổng số vốn sử dụng bình quân trong kỳ}}$$